

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**  
**MÔN TIẾNG ANH**

*(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)*

**Hà Nội, tháng 01 năm 2018**

## MỤC LỤC

*trang*

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	4
III. MỤC TIÊU MÔN HỌC.....	5
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	7
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	9
LỚP 3.....	23
LỚP 4.....	25
LỚP 5.....	26
LỚP 6.....	28
LỚP 7.....	30
LỚP 8.....	31
LỚP 9.....	33
LỚP 10.....	34
LỚP 11.....	36
LỚP 12.....	38
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	40
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	43
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	44

## I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung; để sống và làm việc hiệu quả hơn; để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn học tiếng Anh cung cấp cho học sinh một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Thông qua việc học Tiếng Anh và tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, học sinh có thể hiểu rõ hơn và thêm yêu ngôn ngữ và nền văn hóa của dân tộc mình.

Với tư cách là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Tiếng Anh còn liên quan trực tiếp và có tác động qua lại với nhiều môn học khác như Ngữ văn, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Nghệ thuật, Thể dục, Tin học, Hoạt động trải nghiệm. Tiếng Anh đồng thời còn là công cụ để dạy và học các môn học khác, đặc biệt là môn Toán và các môn khoa học tự nhiên.

Mục tiêu cơ bản của *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ đề và chủ điểm phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh phổ thông nhằm giúp các em đạt được các yêu cầu quy định trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), cụ thể là học sinh kết thúc cấp tiểu học đạt Bậc 1, học sinh kết thúc cấp trung học cơ sở đạt Bậc 2, học sinh kết thúc cấp trung học phổ thông đạt Bậc 3.

Nội dung của *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* thể hiện những định hướng cơ bản được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là:

Ở cấp tiểu học, việc dạy học Tiếng Anh giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nhiều hơn đến hai kỹ năng nghe và nói.

Ở cấp trung học cơ sở, việc dạy học Tiếng Anh tiếp tục giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, đồng thời phát triển năng lực tư duy và nâng cao sự hiểu biết của học sinh về văn hoá, xã hội của các quốc gia trên thế giới cũng như hiểu biết sâu hơn về văn hoá, xã hội của dân tộc mình.

Ở cấp trung học phổ thông, việc dạy học Tiếng Anh giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh dựa trên nền tảng chương trình Tiếng Anh tiểu học và trung học cơ sở, trang bị cho học sinh kỹ năng học tập suốt đời để không ngừng học tập và phát triển năng lực làm việc trong tương lai.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* tuân thủ các quy định được nêu trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

**2.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được xây dựng theo quan điểm năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết. Ở cấp tiểu học, cần ưu tiên phát triển hai kỹ năng nghe và nói. Ở cấp trung học cơ sở, các kỹ năng giao tiếp nghe và nói vẫn được tiếp tục phát triển và thông qua luyện tập kết hợp các kỹ năng để tiến tới phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp trung học phổ thông.

**3.** *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được thiết kế trên cơ sở hệ thống chủ đề, chủ điểm có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh. Hệ thống chủ đề, chủ điểm phản ánh văn hoá cần mang tính dân tộc và quốc tế; nội dung dạy học cần được lựa chọn và có thể lặp lại theo hướng mở rộng

qua các năm học theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Nội dung các môn học khác cần được lồng ghép, tích hợp trong Chương trình môn Tiếng Anh ở mức độ phù hợp và khả thi.

4. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

5. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh giữa các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tính liên thông và tiếp nối được thể hiện ở chỗ sau mỗi cấp học, học sinh đạt một bậc trình độ theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

6. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

### **III. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **1. Mục tiêu chung**

1.1. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình giáo dục phổ thông, học sinh có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* tạo nền tảng cho học sinh có thể sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập.

1.2. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các nước nói tiếng Anh. Ngoài ra, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* cũng góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và trách nhiệm lao

động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

## **2. Mục tiêu các cấp học**

### **2.1. Mục tiêu cấp tiểu học**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể:

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.
- Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh.
- Có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

### **2.2. Mục tiêu cấp trung học cơ sở**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, học sinh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những điểm mạnh và giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.
- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh, bước đầu biết sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.
- Hình thành và áp dụng các phương pháp và chiến lược học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng

Anh trong và ngoài lớp học, quản lý thời gian học tập và hình thành thói quen tự học, học tập suốt đời.

### **2.3. Mục tiêu cấp trung học phổ thông**

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông, học sinh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và thiết thực về những chủ đề quen thuộc liên quan đến nhà trường, công việc, vui chơi, giải trí, v.v.; mô tả những trải nghiệm và sự kiện trong quá khứ, ước mơ, hy vọng và hoài bão trong tương lai, đồng thời có thể giải thích một cách ngắn gọn những quan điểm và dự định tương lai của bản thân; viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.
- Tiếp tục hình thành và phát triển kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh trên thế giới, hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng tiếng Anh.
- Sử dụng tiếng Anh để nâng cao chất lượng học tập các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.
- Sử dụng tiếng Anh để theo đuổi mục tiêu học tập cao hơn hoặc có thể làm việc ngay sau khi học xong trung học phổ thông.
- Áp dụng các phương pháp học tập khác nhau để quản lý thời gian học tập, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học và tự học, củng cố phương pháp tự học, tự đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời.

## **IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

### **1. Cấp tiểu học**

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 1 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ

ơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè,... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ”<sup>1</sup>.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh; có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng ngôn ngữ và nền văn hoá của dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như yêu thương, tôn trọng bản thân, bạn bè, gia đình, môi trường, chăm chỉ và trung thực.

## **2. Cấp trung học cơ sở**

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học cơ sở, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 2 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm,...). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu”<sup>2</sup>.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh trên thế giới; có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh; đồng thời có hiểu biết và tự hào về những điểm mạnh và giá trị của nền văn hoá dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như nhân ái, yêu thương gia đình, tự hào về quê hương, bảo vệ môi trường, có ý thức tự rèn luyện học tập, có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

---

<sup>1</sup> Trích trong *Mô tả khái quát*, trang 2, *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

<sup>2</sup> Trích trong *Mô tả khái quát*, trang 2, *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



### **3. Cấp trung học phổ thông**

- Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”<sup>3</sup>.

- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh; hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá của Việt Nam bằng tiếng Anh; phát triển các phẩm chất yêu đất nước, con người, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng.

## **V. NỘI DUNG GIÁO DỤC**

### **1. Nội dung khái quát**

Nội dung dạy học trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm: (i) hệ thống các chủ đề (khái quát), các chủ điểm (cụ thể); (ii) các năng lực giao tiếp liên quan đến các chủ đề, chủ điểm; (iii) danh mục kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ thống các chủ đề, chủ điểm.

#### **1.1. Hệ thống chủ đề, chủ điểm**

##### **1.1.1. Hệ thống chủ đề**

---

<sup>3</sup> Trích trong *Mô tả khái quát*, trang 2, *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nội dung *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được xây dựng trên cơ sở bốn chủ đề xuyên suốt mỗi cấp học. Các chủ đề liên quan chặt chẽ với nhau và được thiết kế lặp lại có mở rộng qua các năm học ở mỗi cấp học, theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Mỗi cấp học có bốn chủ đề được chia đều cho hai học kỳ. Tên gọi của các chủ đề được thay đổi theo cấp học nhằm đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm, hứng thú của học sinh theo đặc điểm lứa tuổi cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh.

Các chủ đề quy định trong dạy học môn Tiếng Anh ở các cấp học là:

- Cấp tiểu học: *Em và những người bạn của em, Em và trường học của em, Em và gia đình em, Em và thế giới quanh em.*
- Cấp trung học cơ sở: *Cộng đồng của chúng ta, Di sản của chúng ta, Thế giới của chúng ta, Tầm nhìn tương lai.*
- Cấp trung học phổ thông: *Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.*

### 1.1.2. Hệ thống chủ đề

Hệ thống chủ đề được xây dựng trên cơ sở các chủ đề. Mỗi chủ đề bao gồm nhiều chủ đề để có thể bao phủ 1155 tiết học. Các chủ đề và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của học sinh. Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, nhưng phải đảm bảo được các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam và hội nhập quốc tế. Dưới đây là ví dụ minh họa mang tính gợi ý cho các chủ đề theo chủ đề ở ba cấp học.<sup>4</sup>

#### Cấp tiểu học

Chủ đề	Em và những người bạn của em	Em và trường học của em	Em và gia đình em	Em và thế giới quanh em
--------	------------------------------	-------------------------	-------------------	-------------------------

<sup>4</sup> Người biên soạn tài liệu dạy học và giáo viên có thể thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ đề, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của học sinh để đạt được các mục tiêu đề ra trong chương trình.

<b>điểm</b>	<b>em</b>	<b>em</b>		<b>em</b>
<b>Chủ đề</b>	Bản thân (tên, tuổi, quốc tịch, địa chỉ, bộ phận cơ thể,...) Những người bạn của em Những việc có thể làm Hoạt động hằng ngày Hoạt động tương lai Thói quen ...	Trường học của em Đồ vật ở trường Hoạt động ở lớp, ở trường Thời khoá biểu Các môn học và bài học trên lớp ...	Ngôi nhà của em Phòng và đồ vật trong nhà Vị trí đồ vật Thành viên trong gia đình Ngoại hình, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình Hoạt động của các thành viên trong gia đình ...	Đồ chơi của em Các con thú cưng Các con vật ở sở thú Màu sắc yêu thích Truyện cổ tích Các hoạt động giải trí Quần áo Chỉ đường và biển chỉ dẫn Mùa và thời tiết Phương tiện giao thông Cộng đồng quanh em ...

### **Cấp trung học cơ sở**

<b>Chủ điểm</b>	<b>Cộng đồng của chúng ta</b>	<b>Di sản của chúng ta</b>	<b>Thế giới của chúng ta</b>	<b>Tầm nhìn tương lai</b>
-----------------	-------------------------------	----------------------------	------------------------------	---------------------------

<b>Chủ đề</b>	Ngôi trường của tôi Sở thích của tôi Những người bạn của tôi Tuổi thiếu niên Hoạt động trong thời gian rảnh rỗi Môi trường địa phương Dịch vụ cộng đồng ...	Nơi tôi sinh sống Kỳ quan và địa danh nổi tiếng Lễ hội Phong tục và tập quán Thức ăn và đồ uống Âm nhạc và mỹ thuật ...	Các thành phố trên thế giới Văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh Các lễ hội trên thế giới Giao thông Các môn thể thao và trò chơi Du lịch Giải trí ...	Cuộc sống tương lai Ngôi nhà mơ ước Nghề nghiệp tương lai Thế giới xanh Bảo vệ môi trường Truyền thông trong tương lai Giải trí trong tương lai .....
---------------	--	---	---	--

### Cấp trung học phổ thông

<b>Chủ điểm</b>	<b>Cuộc sống của chúng ta</b>	<b>Xã hội của chúng ta</b>	<b>Môi trường của chúng ta</b>	<b>Tương lai của chúng ta</b>
<b>Chủ đề</b>	Cuộc sống gia đình Khoảng cách thế hệ Các mối quan hệ Giải trí Lối sống lành mạnh Cuộc sống tự lập	Các vấn đề xã hội Giáo dục Phục vụ cộng đồng Phương tiện truyền thông đại chúng Lối sống	Bảo tồn di sản thế giới Thay đổi khí hậu Bảo tồn môi trường tự nhiên Con người và môi trường	Giáo dục trong tương lai Học tập suốt đời Thám hiểm các hành tinh khác Sức khỏe và tuổi thọ Thế giới công việc

Tốt nghiệp và chọn nghề Bản sắc văn hoá ...	Việt Nam và các tổ chức quốc tế ...	Môi trường xanh Du lịch sinh thái ...	...
---	--	---	-----

## 1.2. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh*, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ đề, chủ điểm. Dưới đây là danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp cho từng cấp học:

### 1.2.1. Cấp tiểu học

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
<b>Em và những người bạn của em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào hỏi và tạm biệt</li> <li>- Cảm ơn</li> <li>- Xin lỗi</li> <li>- Đánh vần tên người</li> <li>- Giới thiệu (về mình, về người khác)</li> <li>- Hỏi và xác định các bộ phận cơ thể</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về ngày tháng</li> <li>- Hỏi và trả lời về bạn bè</li> <li>- Hỏi và trả lời về khả năng, ước mơ, sở thích</li> <li>- Hỏi và trả lời về địa điểm</li> <li>- Hỏi và trả lời về nghề nghiệp</li> <li>- Mô tả các khả năng đơn giản của bản thân</li> <li>- Miêu tả địa điểm</li> <li>- Nêu tên quốc gia và quốc tịch</li> <li>- Hỏi và trả lời về kế hoạch tương lai</li> <li>...</li> </ul>
<b>Em và trường học của em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về trường học (địa điểm, tên trường, đồ dùng học tập, môn học, ...)</li> <li>- Mô tả đơn giản về vị trí, số lượng, tính chất, đặc điểm của sự vật và người</li> <li>- Hỏi và định danh các vật cụ thể, đơn giản</li> <li>- Hỏi và trả lời về các hoạt động học tập và giải trí ở trường</li> <li>- Hỏi và trả lời về một người/vật/sự kiện yêu thích</li> <li>- Hỏi và trả lời về mức độ thường xuyên</li> <li>- Thực hiện và hỏi đáp các xin phép và đề xuất đơn giản</li> <li>- Diễn đạt và hỏi đáp các mệnh lệnh phổ biến trong lớp học</li> <li>- Hỏi và trả lời ai đang làm gì</li> <li>...</li> </ul>
<b>Em và gia đình em</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các thành viên trong gia đình (tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi làm việc, ...)</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định địa chỉ nhà và vị trí các đồ vật trong nhà</li> <li>- Hỏi và trả lời về nhà cửa, đồ dùng, tiện ích trong gia đình</li> <li>- Hỏi và trả lời về các hoạt động của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Hỏi và trả lời về vị trí và số lượng</li> <li>- Miêu tả công việc thường ngày</li> <li>- Hỏi và trả lời về sở thích ăn, uống</li> <li>- Đưa ra lời khuyên về các vấn đề sức khỏe thông thường</li> <li>- Diễn đạt sự sở hữu</li> <li>- Hỏi và trả lời về thời gian</li> <li>...</li> </ul>
<p><b>Em và thế giới quanh em</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời về đồ chơi, thú cưng, động vật trong sở thú</li> <li>- Hỏi và trả lời về quần áo (số lượng, màu sắc, giá cả, chất liệu, ...)</li> <li>- Hỏi và trả lời về các phương tiện giao thông</li> <li>- Hỏi và trả lời về khoảng cách</li> <li>- Đưa ra chỉ dẫn</li> <li>- Hỏi và trả lời về mùa và thời tiết</li> <li>- Hỏi và trả lời về vị trí của sự vật/hiện tượng/người</li> <li>- Hỏi và đưa ra ý kiến về một địa điểm</li> <li>- Diễn đạt các so sánh hơn, kém đơn giản</li> <li>- Hỏi và diễn đạt lý do đơn giản</li> <li>- Thực hiện các gợi ý đơn giản và phản hồi gợi ý</li> </ul>

	...
--	-----

### 1.2.2. Cấp trung học cơ sở

<b>Chủ điểm</b>	<b>Năng lực giao tiếp</b>
<b>Cộng đồng của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả hoạt động yêu thích ở trường</li> <li>- Mô tả sở thích của cá nhân và người khác</li> <li>- Miêu tả một người cụ thể (bộ phận cơ thể, ngoại hình, tính cách,...)</li> <li>- Miêu tả trải nghiệm đơn giản</li> <li>- Hỏi và miêu tả những địa danh nổi tiếng</li> <li>- Nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi</li> <li>- Nói về các loại dịch vụ cộng đồng</li> <li>- Viết các văn bản đơn giản (lời nhắn, ghi chép, thiệp mời, ...)</li> <li>...</li> </ul>
<b>Di sản của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn đạt sự đồng ý/không đồng ý và giải thích lý do một cách đơn giản</li> <li>- Đưa ra lời khuyên đơn giản</li> <li>- Miêu tả và so sánh một kỳ quan, thảo luận cách thức bảo vệ, bảo tồn các kỳ quan</li> <li>- Miêu tả gia đình truyền thống</li> <li>- Miêu tả đơn giản các lễ hội</li> <li>- Miêu tả thức ăn và đồ uống của một địa phương</li> <li>- Thảo luận về phong tục và truyền thống gia đình</li> <li>...</li> </ul>
<b>Thế giới của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về tiếng Anh như một phương tiện giao tiếp quốc tế và sử dụng tiếng Anh cho mục đích học tập</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu con người và địa điểm du lịch ở các quốc gia nói tiếng Anh</li> <li>- Hỏi và trả lời về những người nổi tiếng</li> <li>- Miêu tả lịch trình của một chuyến du lịch</li> <li>- Miêu tả các vấn đề về môi trường và cách thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Nói về các thắng cảnh trên thế giới</li> <li>- Nói về các hình thức giải trí phổ biến</li> <li>- Thảo luận đặc điểm của phong cách sống lành mạnh</li> <li>- Hỏi và chỉ đường</li> <li>- Thảo luận về các phương tiện giao thông</li> <li>- Viết bưu thiếp đơn giản</li> <li>...</li> </ul>
<b>Tầm nhìn tương lai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự đoán về cuộc sống tương lai</li> <li>- Diễn đạt sự quan tâm và đưa ra lời khuyên</li> <li>- Miêu tả nghề nghiệp trong tương lai</li> <li>- Diễn đạt ý kiến về các vấn đề có thể xảy ra trong tương lai</li> <li>- Trình bày cách thức bảo vệ môi trường và xây dựng một thế giới tốt đẹp</li> <li>- Nói về truyền thông và các hình thức giải trí trong tương lai</li> <li>- Viết về một ngôi nhà, công việc, cuộc sống mơ ước</li> <li>...</li> </ul>

### 1.2.3. Cấp trung học phổ thông

<b>Chủ điểm</b>	<b>Năng lực giao tiếp</b>
-----------------	---------------------------

<b>Cuộc sống của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về cuộc sống gia đình</li> <li>- Trao đổi ý kiến về công việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình</li> <li>- Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh</li> <li>- Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích</li> <li>- Chia sẻ ý kiến</li> <li>- Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp</li> <li>- Viết và điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng ký khoa học, mẫu đơn xin việc,...)</li> <li>...</li> </ul>
<b>Xã hội của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng</li> <li>- Diễn đạt được quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản</li> <li>- Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khỏe</li> <li>- Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới trong công việc</li> <li>- Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau</li> <li>- Nói về các hoạt động tình nguyện</li> <li>- Có thể hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước</li> <li>...</li> </ul>
<b>Môi trường của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về các thức đơn giản để bảo tồn di sản</li> <li>- Viết giới thiệu thông tin du lịch để quảng bá cho du lịch</li> <li>- Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người</li> <li>- Đọc hiểu được một văn bản về các mối đe dọa đối với môi trường tự nhiên</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên</li> <li>- Đề xuất các địa điểm du lịch yêu thích</li> <li>- Viết một đoạn văn đơn giản về một địa danh được công nhận là di sản thế giới</li> <li>- Nói về phong cách sống “xanh”</li> <li>...</li> </ul>
<b>Tương lai của chúng ta</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về công nghệ và cuộc sống</li> <li>- Viết về những lợi ích của thiết bị điện tử dùng làm công cụ học tập</li> <li>- Diễn đạt các dự đoán về những hành tinh khác trong tương lai</li> <li>- Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe</li> <li>- Thuyết trình về phương pháp học tập suốt đời</li> <li>- Nói về công việc trong tương lai</li> <li>...</li> </ul>

### **1.3. Kiến thức ngôn ngữ**

Kiến thức ngôn ngữ trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và có vai trò như một phương tiện giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Hệ thống kiến thức ngôn ngữ dạy học trong Chương trình bao gồm:

#### **1.3.1. Cấp tiểu học**

**Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm (trong đó chú trọng đến các âm khó, không có trong tiếng Việt) và m

hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản.

- Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ học.

**Từ vựng** Từ vựng được dạy ở cấp tiểu học là những từ thông dụng, đơn giản, cụ thể ở Bậc 1 trong tiếng Anh phục vụ cho các tình huống giao tiếp trong phạm vi hệ thống chủ đề và chủ điểm của chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp tiểu học khoảng 600 - 700 từ.

**Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm:

- Câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định/ phủ định; các câu đơn; trật tự từ trong câu đơn; các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1.

- Động từ ở thì hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn giản, tương lai đơn giản, tương lai gần, động từ tình thái, danh từ số ít/ số nhiều, danh từ đếm được/không đếm được, tính từ sở hữu, sở hữu cách của danh từ, dạng so sánh hơn/ kém của tính từ, đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, số đếm và số thứ tự, những giới từ thông dụng, những liên từ thông dụng, mạo từ.

### 1.3.2. Cấp trung học cơ sở

**Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học cơ sở bao gồm: các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, bán nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu câu cơ bản.

**Từ vựng** Số lượng từ vựng được quy định ở cấp trung học cơ sở khoảng 800 – 1000 từ ở Bậc 2 (không bao gồm các từ đã học ở tiểu học). Đây là những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ đề và chủ điểm trong chương trình.

**Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở trung học cơ sở bao gồm:

- Câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm thán; câu khẳng định, câu phủ định; câu đơn, câu ghép, câu phức, các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp Bậc 2.

- Động từ ở các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành; động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, ngữ động từ; thể bị động; câu điều kiện (loại 1); mệnh đề quan hệ;... có cách dùng phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp Bậc 2; danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ; số đếm, số thứ tự; so sánh tính từ; đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu; các giới từ, trạng từ, liên từ thông dụng; mạo từ xác định, mạo từ không xác định.

### **1.3.3. Cấp trung học phổ thông**

**Ngữ âm** Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp trung học phổ thông bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu.

**Từ vựng** Số lượng từ vựng được quy định ở cấp trung học phổ thông khoảng 600 – 800 từ ở Bậc 3 (không bao gồm các từ đã học ở các cấp tiểu học và trung học cơ sở). Sau khi học xong chương trình phổ thông, số lượng từ vựng học sinh cần nắm được khoảng 2300 – 2500 từ. Đây là những từ thông dụng trong phạm vi hệ thống chủ đề và chủ điểm của chương trình, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp Bậc 3

**Ngữ pháp** Nội dung dạy học ngữ pháp ở trung học phổ thông được quay vòng và mở rộng các nội dung đã học ở các cấp tiểu học và trung học cơ sở, bao gồm:

- Các cấu trúc câu như câu so sánh, mệnh đề quan hệ, các loại câu điều kiện, câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp và câu gián tiếp, câu ghép và câu phức,... các cấu trúc phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp Bậc 3.

- Các thì, thể, thức khác nhau của động từ (động từ ở các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành; động từ tình thái, động từ nguyên thể, danh động từ, tính động từ, ngữ động từ; thể bị động; ...),... có cách dùng phù hợp với năng lực giao tiếp Bậc 3.

- Các từ loại: danh từ đếm được, danh từ không đếm được, sở hữu cách của danh từ; số đếm, số thứ tự; so sánh tính từ; đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, đại từ quan hệ, đại từ phản thân, đại từ sở hữu; các giới từ, trạng từ, liên từ thông dụng; mạo từ xác định, mạo từ không xác định, ...

## **2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp**

Yêu cầu cần đạt ở các lớp được thể hiện thông qua bốn kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết; cụ thể là:

<b>YÊU CẦU CẦN ĐẠT</b>		<b>KIẾN THỨC NGÔN NGỮ</b>
<b>Lớp 3.</b> Hết lớp 3, học sinh có thể:		<b>Ngữ âm</b>
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.</li> <li>• Nghe hiểu và làm theo được những chỉ dẫn rất đơn giản trong lớp học.</li> <li>• Nghe và trả lời được các câu hỏi rất đơn giản về các chủ điểm quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.</li> <li>• Nghe hiểu được các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 20-30 từ về các chủ điểm quen thuộc được nói chậm và rõ ràng.</li> </ul>	Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm <b>Từ vựng</b> Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 3 <b>Ngữ pháp</b> Thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn Câu đơn Từ hạn định: <i>this/that/ these/those</i> <i>There is/there are</i> Câu hỏi có từ để hỏi: <i>what, where, who, how, how old, ...</i> Câu hỏi nghi vấn ( <i>Yes/ No</i> ) Câu mệnh lệnh: (e.g. <i>Stand up, please./ Don't talk, please.</i> ) Động từ tình thái: <i>may, can</i>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nói được các từ và cụm từ quen thuộc, đơn giản.</li> <li>• Hỏi và trả lời được các câu hỏi rất đơn giản về bản thân và những người khác.</li> <li>• Hỏi và trả lời được các câu hỏi thường dùng trong lớp học.</li> <li>• Nói được về một số chủ điểm quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ rất đơn giản (có sự trợ giúp).</li> </ul>	
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc đúng chữ cái trong bảng chữ cái, chữ cái trong từ.</li> <li>• Đọc hiểu được nghĩa các từ và cụm từ quen thuộc, rất đơn</li> </ul>	

	<p>giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được các câu ngắn, rất đơn giản.</li> <li>• Đọc hiểu được các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 30 - 40 từ về các chủ điểm trong nội dung Chương trình.</li> </ul>	<p>Đại từ nhân xưng: <i>I, you, he, she, it, we, they</i></p> <p>Tính từ sở hữu: <i>my, your, his, her, its, our, their</i></p> <p>Danh từ (số ít, số nhiều): <i>pen(s), book(s), chair(s),</i></p> <p>Tính từ miêu tả: <i>big, small, new, old,...</i></p> <p>Từ chỉ số lượng: <i>a lot, many, some,...</i></p> <p>Liên từ: <i>and</i></p> <p>Mạo từ: <i>a(n), the</i></p> <p>Giới từ (chỉ địa điểm): <i>in, at, on,...</i></p> <p>...</p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được các từ, cụm từ rất đơn giản.</li> <li>• Điền được thông tin cá nhân vào các mẫu rất đơn giản (tên, địa chỉ,...).</li> <li>• Viết được các văn bản ngắn khoảng 10 - 20 từ (có gợi ý) trong phạm vi các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	
<b>Lớp 4.</b> Hết lớp 4, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu và làm theo được những chỉ dẫn đơn giản trong lớp học.</li> <li>• Nghe hiểu và làm theo được những chỉ dẫn đơn giản được truyền đạt chậm và rõ ràng.</li> <li>• Nghe và trả lời được các câu hỏi rất đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 4</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 35 - 40 từ về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	<p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn</p> <p>Các câu đơn</p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi</p> <p>Câu hỏi <i>Yes/ No</i></p> <p>Các động từ tình thái: <i>can, would</i></p> <p>Danh từ đếm được, không đếm được</p> <p>Tính từ so sánh hơn/ kém</p> <p>Đại từ chỉ định</p> <p>Liên từ: <i>and, but, or, because</i></p> <p>Giới từ: <i>with, near, behind, next to, opposite, by, ...</i></p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nói được các cụm từ và các câu đơn giản.</li> <li>• Nói được các câu chỉ dẫn và đề nghị thích hợp để người khác đáp lại.</li> <li>• Hỏi và trả lời được các câu hỏi đơn giản về chủ điểm trong nội dung Chương trình.</li> <li>• Nói được về một số chủ điểm quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ đơn giản (có sự trợ giúp).</li> </ul>	
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc được các câu đơn giản với sự phát âm tương đối chuẩn xác.</li> <li>• Đọc hiểu được các câu ngắn, đơn giản về chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 45 - 55 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được các câu trả lời rất đơn giản.</li> <li>• Điền được thông tin vào các mẫu đơn giản (thời khoá biểu, thiệp sinh nhật, nhãn vở,...).</li> </ul>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Viết được các văn bản ngắn, rất đơn giản khoảng 20 - 30 từ (có gợi ý) về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	
<b>Lớp 5.</b> Hết lớp 5, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe và nhận biết được trọng âm từ.</li> <li>Nghe hiểu và làm theo được những chỉ dẫn đơn giản.</li> <li>Nghe và trả lời được các câu hỏi đơn giản về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>Nghe hiểu được các đoạn hội thoại, độc thoại ngắn, cấu trúc đơn giản, 45 - 60 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>Nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện ngắn rất đơn giản về các chủ điểm quen thuộc (có sự trợ giúp).</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b> Trọng âm từ, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b> Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 5</p> <p><b>Ngữ pháp:</b> Thì quá khứ đơn, tương lai đơn Câu hỏi có từ để hỏi Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/ No</i>) Động từ tình thái: <i>should, could, would</i> Danh từ: <i>đếm được và không đếm được</i> Tính từ chỉ tính chất đơn giản Trạng từ (chỉ cách thức hành động): <i>fast, hard, well,...</i> (Chỉ tần suất): <i>always, usually, often, never,...</i></p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nói được các câu chỉ dẫn và đề nghị; khởi đầu và trả lời được những câu lệnh đơn giản trong và ngoài lớp học.</li> <li>Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về những chủ điểm quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, v.v. hoặc liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.</li> <li>Nói được về một số chủ điểm trong Chương trình (có sự trợ giúp).</li> </ul>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trả lời được các câu hỏi trực tiếp trong những phỏng vấn đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về những chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	Giới từ: <i>by, on,...</i> Từ nối: <i>because, but, and,...</i> ...
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc được những đoạn văn bản ngắn, đơn giản đã được chuẩn bị trước về những chủ điểm quen thuộc như bạn bè, gia đình, nhà trường,...</li> <li>• Đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Đọc hiểu được các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp; các chỉ dẫn ngắn, đơn giản.</li> </ul>	
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được các cụm từ, câu đơn giản về các chủ điểm quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, bạn bè, ....</li> <li>• Viết được các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 30-40 từ (có gợi ý) về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Viết hoặc điền được thông tin vào biểu bảng đơn giản, tin nhắn, ...</li> </ul>	
<b>Lớp 6.</b> Hết lớp 6, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe và nhận biết được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu</li> </ul>	<b>Ngữ âm</b>

	<p>trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.</li> <li>• Nghe hiểu được nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 80 - 100 từ về các chủ điểm trong Chương trình; nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	<p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 6</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</li> <li>• Nói được các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong lớp học; những câu đơn giản, liên ý về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý).</li> <li>• Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ điểm trong Chương trình như nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh,...</li> <li>• Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	<p>Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành</p> <p>Câu đơn</p> <p>Câu nối/ghép</p> <p>Động từ tình thái: <i>should/shouldn't, might</i></p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi</p> <p>Câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No</i>)</p> <p>Câu mệnh lệnh: Đưa ra mệnh lệnh (khẳng định/ phủ định)</p> <p>Danh từ: đếm được/không đếm được</p> <p>Tính từ</p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản về các chủ điểm trong</li> </ul>	

	<p>Chương trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 100 - 120 từ thuộc phạm vi các chủ điểm quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).</li> </ul>	<p>Tính từ so sánh tương đối và tuyệt đối</p> <p>Sở hữu cách</p> <p>Đại từ sở hữu: <i>mine, yours, ...</i></p> <p>Lượng từ không xác định: <i>some, any, ...</i></p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 40 - 60 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>• Viết được thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hàng ngày trong phạm vi các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	<p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian ...</p> <p>Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Liên từ: <i>because ...</i></p> <p>Mạo từ: <i>a, an, the</i></p> <p>Câu điều kiện (loại 1)</p> <p>...</p>
<b>Lớp 7.</b> Hết lớp 7, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe và nhận biết được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản.</li> <li>• Nghe hiểu được các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.</li> <li>• Nghe hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 140 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 7</p>

Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu đơn giản khác nhau.</li> <li>• Nói được các chỉ dẫn ngắn sử dụng trong các hoạt động trong và ngoài lớp học.</li> <li>• Trao đổi được các thông tin cơ bản về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	<p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai tiếp diễn, tương lai đơn bị động, quá khứ đơn (ôn tập)</p> <p>Câu đơn</p> <p>Động từ tình thái: <i>should/ should not, ...</i></p> <p>Câu hỏi <i>Yes/ No</i></p> <p>Các cách so sánh: <i>like, (not) as ... as, different from, ...</i></p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 120 - 150 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính các mẫu tin, thực đơn, quảng cáo,... ngắn, đơn giản thuộc phạm vi chủ điểm quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).</li> </ul>	<p>Đại từ sở hữu: <i>mine, yours, his, ...</i></p> <p>Lượng từ không xác định: <i>some, lots of, a lot of, ...</i></p> <p>Các giới từ chỉ vị trí, thời gian: <i>in, on, at, ...</i></p> <p>Từ nối: <i>although, however, ...</i></p>

Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>Viết được một đoạn văn ngắn, đơn giản, có gợi ý khoảng 60 - 80 từ để mô tả các sự kiện, hoạt động cá nhân liên quan đến các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>Viết được thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hằng ngày trong phạm vi các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	Mạo từ: <i>a, an, the, (no article)</i> Mạnh đề trạng từ Trạng từ chỉ tần suất Phân từ ...
<b>Lớp 8.</b> Hết lớp 8, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe và nhận biết được âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.</li> <li>Nghe hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 140 - 160 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>Nghe hiểu được nội dung chính các thông báo đơn giản, được nói rõ ràng liên quan đến các chủ điểm trong Chương trình.</li> </ul>	<b>Ngữ âm</b> Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu <b>Từ vựng</b> Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 8 <b>Ngữ pháp</b>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát âm được các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ghép cơ bản.</li> <li>Nói được các chỉ dẫn đơn giản sử dụng trong giao tiếp hằng</li> </ul>	Thì hiện tại đơn, hiện tại đơn với nghĩa tương lai, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, quá khứ đơn,

	<p>ngày liên quan đến các chủ điểm đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tham gia các hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	<p>quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành</p> <p>Các động từ (chỉ sự thích) + V-ing</p> <p>Các động từ (chỉ sự thích) + Động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi <i>Yes/No</i></p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, đọc thoại đơn giản khoảng 150 - 180 từ về các chủ đề quen thuộc.</li> <li>• Đọc hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các chỉ dẫn, thông báo, biển báo,... ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</li> <li>• Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.</li> </ul>	<p>Các loại câu: Câu đơn/câu nối/câu phức</p> <p>Câu điều kiện: Loại 1 (ôn),</p> <p>Câu tường thuật: Câu kể, câu hỏi</p> <p>Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Trạng từ so sánh</p> <p>Giới từ chỉ vị trí, thời gian</p> <p>Danh từ: đếm được/ không đếm được</p> <p>Đại từ sở hữu</p> <p>Lượng từ không xác định</p> <p>Mạo từ: <i>a, an, the</i></p> <p>...</p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.</li> <li>• Viết được các hướng dẫn, chỉ dẫn, thông báo,... ngắn, đơn giản khoảng 80 - 100 từ liên quan đến các chủ điểm quen thuộc.</li> </ul>	
<b>Lớp 9.</b> Hết lớp 9, học sinh có thể:		



Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được các cụm từ, chỉ dẫn và cách diễn đạt đơn giản liên quan tới nhu cầu giao tiếp hằng ngày.</li> <li>• Nghe hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 160 - 180 từ về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>• Nghe hiểu và xác định được những ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày, các thông báo, bản tin,... ngắn, rõ ràng và đơn giản.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 9</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác âm, trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu các cụm từ và câu.</li> <li>• Tham gia được các hội thoại ngắn, đơn giản về những vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc và cuộc sống hằng ngày.</li> <li>• Trình bày ngắn gọn, có chuẩn bị trước các dự án về các chủ điểm quen thuộc; nêu lý do và giải thích ngắn gọn về quan điểm cá nhân.</li> <li>• Trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ điểm quen thuộc bằng các diễn ngôn đơn giản.</li> </ul>	<p>Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ đơn đối chiếu với quá khứ hoàn thành</p> <p>Quá khứ đơn với <i>wish</i></p> <p>Động từ tình thái với <i>if</i></p> <p>Động từ tình thái</p> <p>Các cụm động từ</p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được các văn bản ngắn, đơn giản khoảng 180 - 200</li> </ul>	<p>Cấu trúc <i>Suggest + verb-ing</i></p>

	<p>từ về các chủ điểm quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong đời sống hằng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu và xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản liên quan đến các chủ điểm trong đời sống hàng ngày như quảng cáo, biển báo, thông báo,... các bài báo ngắn mô tả sự kiện.</li> <li>• Đọc hiểu và đoán được nghĩa của từ mới dựa vào văn cảnh và suy luận, nhận biết tổ chức của đoạn văn ngắn, đơn giản.</li> </ul>	<p>Danh động từ đi sau một số động từ: <i>like, dislike, love, enjoy, hate...</i> + verb-<i>ing</i></p> <p>Động từ nguyên thể (verbs + <i>to</i> infinitive)</p> <p>Từ để hỏi trước động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Câu tường thuật</p> <p>Các mệnh đề phụ chỉ nguyên nhân, kết quả, nhượng bộ</p> <p>Đại từ quan hệ</p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được các mệnh đề và câu đơn giản có sử dụng liên từ.</li> <li>• Viết được (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn khoảng 100 - 120 từ về gia đình; viết thư cá nhân, tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan các vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.</li> <li>• Viết tóm tắt thông tin, viết được lại những đoạn văn theo lối đơn giản, sử dụng cách hành văn và trình tự như trong văn bản gốc.</li> </ul>	<p>Mệnh đề quan hệ (Mệnh đề xác định và không xác định)</p> <p>Từ nối</p> <p>Tính từ so sánh và trạng từ so sánh</p> <p>Lượng từ</p> <p>...</p>
<b>Lớp 10.</b> Hết lớp 10, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được ý chính các đoạn hội thoại, đọc thoại khoảng 180 - 200 từ về những chủ điểm quen thuộc.</li> <li>• Nghe hiểu được những thông tin, chỉ dẫn thông thường</li> </ul>	<p>câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp</p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu.</li> <li>• Bắt đầu, duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản.</li> <li>• Đồng ý, phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên.</li> <li>• Trình bày được các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ điểm được qui định trong Chương trình.</li> </ul>	<p>10</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn (ôn tập)</p> <p>Thì hiện tại hoàn thành</p> <p>Thì tương lai đơn và thì tương lai với <i>be going to</i> (ôn tập)</p> <p>Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với <i>when</i> và <i>while</i></p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được những ý chính của văn bản khoảng 220 - 250 từ về các chủ điểm mang tính thời sự và quen thuộc.</li> <li>• Đọc hiểu được những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật.</li> <li>• Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông chuẩn tắc (thông tin từ các câu lạc bộ và các tổ chức xã hội).</li> </ul>	<p>Động từ nguyên thể có <i>to</i> và không có <i>to</i></p> <p>Danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả)</p> <p>Câu bị động, câu bị động với động từ tình thái</p> <p>Câu ghép</p> <p>Mệnh đề quan hệ: xác định và không xác định</p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 120 - 150 từ</li> </ul>	<p>Câu điều kiện loại 2</p>

	<p>về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Viết được các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.</li> </ul>	<p>Câu tường thuật</p> <p>Tính từ so sánh tương đối, tuyệt đối</p> <p>Tính từ chỉ thái độ</p> <p>Mạo từ</p> <p>Các hậu tố cấu tạo tính từ: <i>-ed vs. -ing</i>; <i>-full vs. -less</i></p> <p>...</p>
<b>Lớp 11.</b> Hết lớp 11, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe hiểu được những ý chính của các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 200-230 từ về những chủ điểm mà cá nhân quan tâm được qui định trong Chương trình.</li> <li>Nghe hiểu được những ý chính trong các cuộc thảo luận, với điều kiện nội dung thảo luận được trình bày rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn tắc.</li> <li>Nghe được bản tường thuật ngắn và đưa ra các giả thuyết về những điều sẽ xảy ra tiếp theo.</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Dạng phát âm mạnh và yếu của từ, các dạng viết/ phát âm tắt, nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, trọng âm câu &amp; nhịp điệu, nuốt âm</p> <p>Ngữ điệu: lên và xuống, câu hỏi <i>Yes/ No</i>, câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý v.v.</p> <p><b>Từ vựng</b></p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác trọng âm, nối âm, ngữ điệu, nhịp điệu các câu khác nhau.</li> </ul>	<p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 11</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bắt đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại; thảo luận về các chủ điểm trong Chương trình.</li> <li>• Yêu cầu và làm theo được những chỉ dẫn chi tiết.</li> <li>• Trình bày được các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ điểm được quy định trong Chương trình.</li> </ul>	<p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành</p> <p>Hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn</p> <p>Các động từ tình thái: <i>must vs. have to, ...</i></p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 250 - 280 từ về các chủ điểm mang tính thời sự và quen thuộc.</li> <li>• Đọc hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết các bản tin, bài báo, ... về các chủ điểm hoặc sự kiện mang tính thời sự và hiểu toàn bộ ý nghĩa của văn bản.</li> <li>• Đọc lướt các văn bản ngắn để tìm kiếm các sự kiện và thông tin cần thiết.</li> </ul>	<p>Các động từ nối (<i>be, seem, ...</i>)</p> <p>Các động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn</p> <p>Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ, ..)</p> <p>Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Danh động từ hoàn thành và phân từ hoàn thành</p>

Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>Viết được văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 150 - 180 từ về các chủ điểm quen thuộc.</li> <li>Viết được thư cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin hoàn chỉnh và chi tiết về sản phẩm hoặc dịch vụ.</li> <li>Viết để truyền tải những thông tin, sự kiện ngắn gọn, đơn giản tới bạn bè và người thân.</li> </ul>	<p>Từ nối (<i>Linking words</i>)</p> <p>Cấu tạo từ (danh từ ghép)</p> <p>Câu tường thuật có động từ nguyên thể có <i>to</i> và danh động từ</p> <p>Câu điều kiện tường thuật</p> <p>Câu điều kiện: Loại 0</p> <p>Câu chẻ: <i>It is/was... that</i> + mệnh đề</p> <p>Động từ nguyên thể có <i>to</i> sau một số danh từ và tính từ câu hỏi đuôi</p> <p>...</p>
<b>Lớp 12.</b> Hết lớp 12, học sinh có thể:		
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe hiểu và xác định được nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 230 - 250 từ về những chủ điểm thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình.</li> <li>Nghe hiểu và làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản như hướng dẫn sử dụng các thiết bị kỹ thuật thông dụng.</li> <li>Nghe hiểu và sử dụng được các chiến lược giao tiếp liên quan</li> </ul>	<p><b>Ngữ âm</b></p> <p>Nguyên âm: Nguyên âm đôi</p> <p>Các từ có trọng âm (trường hợp đặc biệt) – Các từ không mang trọng âm</p> <p>Trọng âm câu, sự đồng hoá, nối nguyên âm với nguyên âm</p> <p>Ngữ điệu câu hỏi (ôn tập)</p>

	<p>đến quan điểm, tình cảm, thái độ trong các hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghe hiểu được những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn, ... về các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh hoạ.</li> </ul>	<p>Từ đồng âm</p> <p><b>Từ vựng</b></p> <p>Các từ liên quan đến chủ đề, chủ điểm của lớp 12</p> <p><b>Ngữ pháp</b></p> <p>Thì tương lai hoàn thành</p>
Nói	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm.</li> <li>• Nói và tương tác được với người đồng thoại về các chủ điểm quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ điểm quy định trong Chương trình.</li> <li>• Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ điểm quen thuộc, kể lại được một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ điểm đã học.</li> <li>• Trình bày được về các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề được quy định trong chương trình.</li> </ul>	<p>Thì hiện tại hoàn thành</p> <p>Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn</p> <p>Thì quá khứ hoàn thành và quá khứ đơn</p> <p>Các loại câu: Câu đơn, câu nối, câu phức (ôn tập)</p> <p>Mạo từ xác định và không xác định</p> <p>Bỏ mạo từ</p> <p>Thể cầu khẩn của động từ trong mệnh đề <i>that</i> sau một số động từ và cách diễn đạt cụ thể</p> <p>Câu tường thuật: tường thuật câu mệnh lệnh, đề nghị, mời, câu khuyên nhủ và câu hướng dẫn</p>
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 280 - 300 từ về các chủ điểm mang tính thời sự và</li> </ul>	

	<p>quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc hiểu được mạch lập luận của văn bản, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng.</li> <li>• Đọc hiểu để tìm và tóm tắt được các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc.</li> </ul>	<p>Mệnh đề quan hệ với <i>which</i> đề cập tới cả mệnh đề</p> <p>Giới từ sau một số động từ</p> <p>Cụm động từ cụm (gồm động từ, trạng từ và giới từ)</p> <p>Mẫu câu so sánh kép dùng để diễn tả những điều đang thay đổi</p>
Viết	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Viết được bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 180 - 200 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp được thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin.</li> <li>• Viết được thư xin việc, sơ yếu lý lịch, tiểu sử.</li> <li>• Viết được bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản.</li> </ul>	<p>So sánh kép</p> <p>Câu chỉ nguyên nhân: chủ động và bị động</p> <p>Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện, so sánh, cách thức và kết quả</p> <p>...</p>

## VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp chủ đạo trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là ***phương pháp giao tiếp***. Phương pháp này nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Năng lực giao tiếp không chỉ là khả



năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng mà còn là khả năng sử dụng các câu nói đó ở đâu, khi nào và với ai một cách phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Phương pháp giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai phương pháp/ đường hướng chủ đạo này quy định các hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

### **1. Đối với giáo viên**

Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động dạy học. Giáo viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh ở các cấp học khác nhau (độ tuổi tuổi thơ ở tiểu học, chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi vị thành niên ở trung học cơ sở, chuyển tiếp từ tuổi vị thành niên sang tuổi trưởng thành ở trung học phổ thông). Giáo viên cần có sự hiểu biết về đặc điểm của địa phương để áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp.

Giáo viên coi học sinh là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập. Giáo viên tạo cơ hội cho học sinh sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống có nghĩa, sát với cuộc sống hằng ngày. Giáo viên dành thời gian cho học sinh tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết). Giáo viên sử dụng tiếng Anh trong quá trình dạy học trên lớp và tạo cơ hội tối đa để học sinh sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học.

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện học tập ở địa phương. Thông qua các phương pháp dạy học, giáo viên giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển phương pháp học tiếng Anh, qua đó trang bị cho các em phương pháp học và tự học để học tập suốt đời.

Giáo viên sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại trong quá trình dạy học. Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng đồng bộ các tài liệu và phương tiện học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử, thiết bị nghe nhìn, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, mạng Internet, v.v. để nâng cao hiệu quả dạy học.

Đối với cấp trung học phổ thông, giáo viên trang bị cho học sinh năng lực học tập và tự học trong thế kỷ XXI bằng cách khuyến khích các em sử dụng học liệu điện tử tới mức tối đa, phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất trong lớp học và môi trường học tập ở địa phương.

## **2. Đối với học sinh**

Học sinh là chủ thể tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập. Việc tham gia luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được tiến hành đan xen chứ không tách biệt. Mức độ hình thành các kỹ năng giao tiếp thể hiện thông qua:

- Ưu tiên luyện tập hai kỹ năng nghe và nói ở tiểu học.
- Tiếp tục luyện tập hai kỹ năng nghe nói và luyện tập xen kẽ các kỹ năng giao tiếp ở trung học cơ sở.
- Luyện tập chuyên sâu và cân đối các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trung học phổ thông.
- Tăng cường kỹ năng hợp tác cặp, nhóm.

Hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học, bắt đầu từ việc xác định mục tiêu dạy học, lựa chọn nội dung dạy học cụ thể đến thực hiện các phương pháp, quy trình dạy học hợp lý và kết thúc bằng việc đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Anh của học sinh. Hoạt động học được thực hiện thông qua hoạt động giao tiếp, nhiệm vụ giao tiếp và học tập theo dự án.

Hoạt động học được tổ chức thông qua môi trường giao tiếp đa dạng, phong phú với các hoạt động tương tác, các hình thức hoạt động cá nhân, theo cặp, nhóm và cả lớp. Hoạt động học được tiến hành trên cơ sở quá trình tương tác giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, học sinh - sách giáo khoa và các nguồn học liệu khác (bao gồm cả học liệu điện tử), thông qua các chủ đề, chủ điểm, nhiệm vụ, tình huống giao tiếp đa dạng cả về nội dung và hình thức. Do đặc thù lứa tuổi,

trong các hoạt động giao tiếp kể trên, hoạt động học thông qua trò chơi, bài hát, bài thơ, kể chuyện, v.v. được nhấn mạnh ở tiểu học và hoạt động tự học, hoạt động học theo nhiệm vụ, dự án được ưu tiên ở trung học.

Trong quá trình học tập, học sinh hình thành và củng cố phương pháp học tiếng Anh để từng bước định hướng và phát triển thói quen học tập suốt đời, có các kỹ năng và năng lực cần thiết để trở thành người học độc lập. Cùng với việc hình thành năng lực tự học, học sinh hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá để định hướng phát triển cho bản thân trong tương lai. Học sinh sử dụng các tài liệu giáo khoa, học liệu điện tử, đồ dùng học tập, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, mạng Internet, ... phù hợp với điều kiện của bản thân để nâng cao hiệu quả học tập.

## **VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

Kiểm tra đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp. Nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá cần bám sát mục tiêu dạy học, có tính đến những thay đổi trong mục tiêu từng cấp như cấp tiểu học ưu tiên vào nghe và nói, cấp trung học cơ sở nhấn mạnh đến phối hợp giữa các kỹ năng và cấp trung học phổ thông chú trọng đến cân bằng giữa bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Hoạt động kiểm tra đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú

ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với chuẩn đầu ra. Việc đánh giá cuối cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông phải dựa vào yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, cụ thể là Bậc 1 đối với tiểu học, Bậc 2 đối với trung học cơ sở và Bậc 3 đối với trung học phổ thông.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

## **VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Chức năng pháp lý của Chương trình**

Văn bản Chương trình này là cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý việc dạy học tiếng Anh, biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình, biên soạn, thẩm định và lựa chọn tài liệu dạy học tiếng Anh (sách giáo khoa, sách hướng dẫn dạy học, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử,...), thiết kế, lựa chọn đồ dùng và thiết bị dạy học, định hướng phương pháp dạy học tiếng Anh giao tiếp, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh và xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên sư phạm và cán bộ quản lý các cấp.

### **2. Thời lượng dạy học**

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* được dạy từ lớp 3 đến lớp 12 và tuân thủ các quy định trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời lượng dạy học môn học, cụ thể như sau:

<b>Tiểu học (4 tiết/tuần)</b>			<b>Trung học cơ sở (3 tiết/tuần)</b>				<b>Trung học phổ thông (3 tiết/tuần)</b>			<b>Tổng số</b>
Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
140 tiết	140 tiết	140 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	
<b>420 tiết</b>			<b>420 tiết</b>				<b>315 tiết</b>			<b>1155 tiết</b>

### **3. Về việc thực hiện Chương trình**

- *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là cơ sở pháp lý cho việc biên soạn sách giáo khoa, các tài liệu hướng dẫn, chỉ đạo dạy học, đánh giá kết quả học tập môn học và được sử dụng thống nhất trong cả nước. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương về cơ sở vật chất, đặc điểm học sinh, năng lực giáo viên, kế hoạch dạy học,... nhà trường có thể vận dụng và phát triển Chương trình một cách linh hoạt trên cơ sở bảo đảm yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình.

- Việc dạy học môn Tiếng Anh cho học sinh dân tộc thiểu số và ở các địa phương đặc biệt khó khăn được thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn hỗ trợ biên soạn dựa trên Chương trình này. Học sinh khuyết tật được học theo các tài liệu riêng, được biên soạn căn cứ vào các yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học của Chương trình. Học sinh có năng lực

đặc biệt về tiếng Anh, bên cạnh việc học theo Chương trình này, còn được bồi dưỡng để phát triển năng lực tiếng Anh (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### **4. Các điều kiện cơ bản đảm bảo thực hiện Chương trình**

Để việc thực hiện *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

##### **4.1. Giáo viên**

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo quy định và có nghiệp vụ sư phạm phù hợp với các cấp học.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Đối với giáo viên đã đạt chuẩn nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng giáo viên cần được tổ chức thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học do Chương trình quy định. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Giáo viên phải được sinh hoạt chuyên môn theo trường hay cụm trường và mỗi trường hay cụm trường cần có đội ngũ giáo viên tiếng Anh cốt cán.
- Cần đưa *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* làm nội dung giảng dạy cho các giáo sinh ở các cơ sở đào tạo sư phạm giáo viên tiếng Anh.

- Cần tạo điều kiện bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên thiết kế đề kiểm tra, thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ theo định dạng chung, qua đó đánh giá được năng lực giao tiếp ngoại ngữ của học sinh theo các cấp độ của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.

#### **4.2. Cơ sở vật chất**

- Đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu (sách học sinh, sách giáo viên, sách bài tập) cho giáo viên và học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, sử dụng máy tính, màn hình và đầu chiếu; trang bị một số phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh (thiết bị nghe nhìn, bảng tương tác, học liệu điện tử, máy tính cá nhân, hệ thống mạng điện tử,...).

- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **4.3. Môi trường học tập**

Đảm bảo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học sinh có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Anh có ý nghĩa (tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, giao lưu học sinh giỏi tiếng Anh, thi hát bằng tiếng Anh,...).

### **5. Định hướng phát triển một số năng lực chung**

#### **5.1. Phương pháp học tập**

Phương pháp học tập đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy học giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh trong và ngoài lớp học một cách hiệu quả. Học sinh cần hình thành một số phương pháp học tập cơ bản như: cách xác định mục tiêu và kế hoạch học tập, cách luyện tập các kỹ năng giao tiếp và học kiến thức ngôn ngữ,

cách sử dụng tài liệu học tập và học liệu điện tử, cách thức tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động học tập tương tác, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động, kế hoạch học tập của bản thân.

Các phương pháp học tập nêu trên được thể hiện trong tài liệu dạy học và trong quá trình dạy học trên lớp. Học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với năng lực và điều kiện học tập của cá nhân. Các phương pháp học tập phù hợp giúp học sinh học tập tích cực và có hiệu quả, trở thành những người học có khả năng tự học một cách độc lập trong tương lai.

## **5.2. Thói quen học tập suốt đời**

Trong thế kỷ XXI, những xã hội thịnh vượng sẽ được xây dựng dựa trên nền tảng tri thức. Để có thể cạnh tranh ở phạm vi toàn cầu, học sinh cần liên tục phát triển năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng của mình. Việc học tập không dừng lại khi học sinh tốt nghiệp phổ thông mà vẫn tiếp tục ngay cả khi không còn theo đuổi con đường học hành. Do đó, chương trình tiếng Anh phổ thông nói chung và trung học phổ thông nói riêng cần tạo lập cho học sinh phương pháp học, thể hiện ở các chiến lược học và phương pháp tự học. Chương trình tiếng Anh cần từng bước định hướng và hình thành cho học sinh thói quen học tập suốt đời, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông.

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* giúp học sinh phát triển các kỹ năng và năng lực cần thiết để trở thành người học độc lập, tận dụng các cơ hội từ giáo dục chính quy và không chính quy để đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân. Cùng với việc giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực tự đánh giá những kiến thức và kỹ năng của bản thân để định hướng phát triển trong tương lai, Chương trình cần trang bị cho học sinh nền tảng vững chắc để hình thành và phát triển các kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời, qua đó định hướng nghề nghiệp trong tương lai để các em có thể đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong suốt cuộc đời của mình.



### **5.3. Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào việc học tiếng Anh**

*Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* cần trang bị cho học sinh năng lực học tập và tự học trong thế kỷ XXI bằng cách khuyến khích sử dụng các học liệu điện tử (trực tuyến và ngoại tuyến) miễn phí tới mức tối đa và ở bất kỳ nơi nào được trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập. Giáo viên cần định hướng cho học sinh sử dụng các học liệu môn Tiếng Anh định dạng số sẵn có trên mạng Internet và được lưu trong các thiết bị đa phương tiện phù hợp, đồng thời bản thân giáo viên cũng phải biết cách tận dụng những nguồn lực sẵn có để bổ sung, hỗ trợ cho việc dạy học.

Tuy nhiên, như với bất kỳ nguồn lực nào trên mạng Internet, trước tiên, giáo viên phải đánh giá chất lượng và sự phù hợp của các nguồn lực mà họ đang định hướng cho học sinh tiếp cận và sử dụng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào kiểm tra, đánh giá cần được khuyến khích thực hiện ở những địa phương có đủ điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, kỹ thuật viên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

### A. Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Quốc hội khoá XI (2005), *Luật Giáo dục.*
3. Quốc hội khoá XII (2009), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.*
4. Quốc hội khoá XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
5. Chính phủ (2008). *Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020”* (ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ)
6. Chính phủ (2015), *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông* (phê duyệt tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ)
7. Chính phủ (2016), *Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân* (phê duyệt tại Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)
8. Chính phủ (2017), *Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2017-2025”* (phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ).
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Quyết định 50/2003/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình môn Tiếng Anh và Tin học ở tiểu học.*

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh* (English Curriculum for Vietnamese Schools). (Ban hành theo Quyết định Số: 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Chương trình tiếng Anh thí điểm tiểu học* (Pilot English Curriculum for Vietnamese Primary Schools). (Ban hành theo Quyết định Số: 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở* (ban hành theo Quyết định số: 01/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học phổ thông* (ban hành theo Quyết định số: 5209/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
16. Bộ Giáo dục Hàn Quốc (2011), *Chương trình giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông* (Tài liệu dịch).

## **B. Tài liệu Tiếng Anh**

1. Breen, M. P., & C. N. Candlin (1980), *The Essentials of a Communicative Curriculum in Language Teaching*. Applied Linguistics, Vol,1, No.2. Pp. 89-112.
2. California Department of Education (2016), *Foreign Language Framework for California Public Schools*, from <https://www.cde.ca.gov/ci/cr/cf/documents/foreignlangfrmwrk.pdf>
3. Council of Europe (2001), *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment*, Cambridge: Cambridge University Press, from [https://www.coe.int/t/dg4/linguistic/source/framework\\_en.pdf](https://www.coe.int/t/dg4/linguistic/source/framework_en.pdf)

4. KeyCoNet (2013), *Developing Key Competences in Schools in Europe*, from [http://eacea.ec.europa.eu/education/eurydice/documents/thematic\\_reports/145en.pdf](http://eacea.ec.europa.eu/education/eurydice/documents/thematic_reports/145en.pdf)
5. Littlewood, W. (2002). *Communicative Language Teaching: An Introduction*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Ministry of Education, Finland (2009), *Key Competences for Lifelong Learning in Finland*, from [https://static.aminer.org/pdf/PDF/000/248/291/information\\_systems\\_application\\_educational\\_needs\\_of\\_small\\_enterprises\\_a\\_survey.pdf](https://static.aminer.org/pdf/PDF/000/248/291/information_systems_application_educational_needs_of_small_enterprises_a_survey.pdf)
7. Munby, J. (1997), *Communicative Syllabus Design*, Cambridge: Cambridge University Press.
8. Richards, J. C. (2001), *Curriculum Development in Language Teaching*, Cambridge: Cambridge University Press.
9. Richards, J. C., J. Platt & H. Platt. (1999), *Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*, Malaysia: Longman.
10. Teacher Education Council, *The Philippine Basic Education Curriculum*, from [http://amses.weebly.com/uploads/8/8/3/6/8836963/module\\_2\\_-\\_the\\_philippine\\_bec.pdf](http://amses.weebly.com/uploads/8/8/3/6/8836963/module_2_-_the_philippine_bec.pdf)
11. The Commonwealth of Massachusetts Department of Education (1999), *Massachusetts Foreign Languages Curriculum Framework*, from <http://www.doe.mass.edu/frameworks/foreign/1999.pdf>
12. The Ministry of Education Thailand (2008), *The Basic Education Core Curriculum*, from [http://www.ibe.unesco.org/curricula/thailand/th\\_befw\\_2008\\_eng.pdf](http://www.ibe.unesco.org/curricula/thailand/th_befw_2008_eng.pdf)
13. Van Ek, J. A. & L. G. Alexander (1980), *Threshold Level English*, Oxford: Pergamon Press.
14. Richards, J. C., & T. S. Rodgers (2001). *Approaches and Methods in Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**  
**(MÔ TẢ TỔNG QUÁT)**

	<b>Các bậc</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
<b>Sơ cấp</b>	<b>Bậc 1</b>	Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
	<b>Bậc 2</b>	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
<b>Trung cấp</b>	<b>Bậc 3</b>	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

	<b>Bậc 4</b>	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
<b>Cao cấp</b>	<b>Bậc 5</b>	Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.
	<b>Bậc 6</b>	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.